CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU KHẢO SÁT BỀ MẶT, ĐO KIỂM HIỆN TRẠNG T=0 & Ô THỬ MẪU 1 M²

Đồng bộ ICS-01, 06, 11, 12, 13, 16 · Gloss 60° GU · Độ ẩm % & ASTM D4263 · Loại trừ lỗi sẵn có · Bảo mật NĐ 13/2023/NĐ-CP

Mã biểu mẫu: BM-ICS-01
Phiên bản: v2.1 (18/11/2026)
Phụ trách: KTV Khảo sát Trưởng
Lưu hồ sơ: Hết HĐ + 24 tháng

Công trình / Bên A	.....	**Ngày & Giờ đo T=0**	.....:..... Ngày ...../...../202... | ☐ <1.000 m² ☐ ≥1.000 m²
KTV Khảo sát & Thẻ	..... (SAH-CRD-.....)	**Đại diện BQL / M&E**	..... (SĐT: .....)
Vật liệu nền chính	☐ Marble / Terrazzo · ☐ Granite / Bê tông · ☐ Kính Low-E / Cường lực · ☐ Alu / Inox / Gỗ · ☐ Vinyl / ESD / Thảm · ☐ Mái giòn FRP		

NGUYÊN TẮC T=0, LOẠI TRỪ NGUY HIỂM & BẢO MẬT (ICS-01 · AT-05 · NĐ 13/2023): (1) Ghi rõ khuyết tật có sẵn trước thi công (ăn mòn axit cũ, nứt kết cấu, mạt kính tôi *fabricating debris*, bong mối hàn vinyl) để tách bạch trách nhiệm trước mở ca; (2) **Loại trừ thi công ngay** nếu phát hiện vật liệu nghi chứa amiăng, sơn chì cũ, hở điện hoặc vị trí cao > 2 m chưa có Thẻ ATLĐ Nhóm 3 (SAH-CRD-13..17); (3) Ảnh T=0 chỉ chụp góc hẹp vào bề mặt, đồng hồ đo và ô thử 1 m²; **không chụp mặt người, biển số xe, màn hình an ninh hay tài liệu mật** (NĐ 13/2023/NĐ-CP).

1. NHẬN DIỆN VẬT LIỆU, ĐO CHỈ SỐ GỐC T=0 & KHOANH TRỪ KHUYẾT TẬT SẴN CÓ

(Ghi số đo thực tế và đánh dấu lỗi T=0)

Nhóm bề mặt & khu vực	Số đo hiện trạng T=0	Khuyết tật có sẵn khoanh trừ T=0	Ảnh NĐ 13	Kiến nghị xử lý / pH
1. Sàn đá tự nhiên, Terrazzo & Bê tông	Gloss 60°: ..... GU | Thẳng ≤ 3 mm/1,2m Ẩm: .....% | ☐ PE D4263 | Lippage ≤ 0,5mm	☐ Ố axit / muối (efflorescence) / Rỉ ☐ Nứt, thanh gõ bộp (>20%), bong ron	☐ Đã chụp ☐ Hạn chế	☐ Chỉ pH trung tính ☐ Chống thấm / Bùn 2 ngăn
2. Kính mặt dựng, vách kính & Alu ngoài	Loại: ☐ Thường ☐ Low-E ☐ Tôi Nhiệt kính: ..... °C (≤ 45 °C)	☐ Mạt kính tôi (debris) / Xước sẵn ☐ Ố kiềm xi măng, Alu bạc màu cũ	☐ Đã chụp ☐ Hạn chế	☐ Dao nhựa nếu có debris ☐ 0 dùng kiềm pH 13 lên Alu
3. Sàn Vinyl, ESD, Epoxy, PU & Sàn nâng	ESD (IEC): ..... Ω Ẩm PE (16–24h): ☐ Đạt ☐ Ẩm	☐ Bong mép hàn vinyl / rách lớp phủ ☐ Phồng rộp Epoxy / mất dây tiếp địa	☐ Đã chụp ☐ Hạn chế	☐ Hàn mép trước bóc sáp ☐ Đo lại sau phủ ESD
4. Thảm, sofa, da thật, rèm & mái giòn FRP	Thử bền màu Thang xám ISO: ☐ ≥ 4 (Bền) ☐ < 4 (Phai màu)	☐ Mốc mục đế thảm, rách chỉ sofa ☐ Tấm FRP giếng trời giòn vỡ cũ	☐ Đã chụp ☐ Hạn chế	☐ 0 phun hút ướt da thật ☐ Mái FRP bắt buộc ván bò
5. Loại trừ an toàn & vật liệu nguy hại	☐ Không phát hiện rủi ro cấm ☐ Nghi amiăng / sơn chì / điện hở	☐ Vùng nguy hại loại trừ khỏi phạm vi ☐ Chưa cô lập nguồn điện / LOTO	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Dừng vùng nghi amiăng ☐ BQL sửa điện trước ca

2. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TRÊN Ô MẪU 1 M² TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI ĐẠI TRÀ

(Thử tại vị trí ít lộ thiên trước khi mở ca chính)

Vị trí ô thử 1 m²	Hóa chất thử (SAH-APR-CHM) & pH	Pad / Đĩa mài / Thiết bị	Chỉ số sau thử (GU / DCOF / Màu)	Bên A duyệt mẫu
Khu 1:	Mã: CHM-.... | Liều: ..... | pH:		Sau thử: ..... GU | DCOF: ..... Không ố, không mất bóng	☐ Đạt chuẩn ☐ Chỉnh phương án
Khu 2:	Mã: CHM-.... | Liều: ..... | pH:		Sau thử: ..... GU | Thang xám: .... Không xước, không bong sáp	☐ Đạt chuẩn ☐ Chỉnh phương án
Khu 3:	Mã: CHM-.... | Liều: ..... | pH:		Sau thử: ..... GU | Độ ẩm: ..... % Mặt sàn đồng đều, sạch cặn	☐ Đạt chuẩn ☐ Chỉnh phương án

PHÁP LÝ XÁC NHẬN T=0 & Ô THỬ MẪU (ĐIỀU 393 BLDS 2015 · NĐ 13/2023/NĐ-CP): Hai bên thống nhất dùng kết quả ô thử mẫu 1 m² làm chuẩn chất lượng triển khai toàn công trình và loại trừ các khuyết tật T=0 đã khoanh nêu trên (đính kèm ..... ảnh góc hẹp đúng NĐ 13/2023). Đối với gói công trình nhỏ lẻ gửi Zalo/Email lúc .....:..... ngày ...../...../202..., hiệu lực đồng thuận xác lập sau **12 giờ** theo **Điều 393 BLDS 2015** khi hợp đồng đã có thỏa thuận.

KTV KHẢO SÁT SONGANHHYG (Đo kiểm T=0 & làm ô thử 1 m²)	ĐẠI DIỆN BÊN A / BQL CÔNG TRÌNH (Duyệt mẫu & khoanh trừ T=0)
Đã đo kiểm thông số T=0, thử mẫu 1 m² an toàn pH và chụp ảnh đúng NĐ 13/2023. Họ tên & chữ ký:	☐ Ký duyệt trực tiếp · ☐ Xác nhận Zalo/12h (Đ.393 BLDS 2015, HĐ: .....) Họ tên, chức vụ & chữ ký: